

Bản án số: 175/2018/HS-ST

Ngày: 18/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lê Quang Hòa.

2. Bà: Bạc Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khá - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 181/2018/HS-ST ngày 22/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2018/QĐXXST-HS ngày 06/7/2018 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Cứ Thị L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Sinh năm: 1975, tại Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: H'Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không.

Con ông: Cứ Khua P, sinh năm 1948 và con bà Lý Thị D, sinh năm 1946.

Chồng: Hồ A G (Đã chết) và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/03/2018 đến nay. Có mặt.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Lò Văn T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.
Sinh năm: 1984, tại Điện Biên.
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản Đ1, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.
Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 1/12.
Con ông: Lò Văn T1 (Đã chết) và con bà Lò Thị L, sinh năm 1964.
Vợ: Lò Thị H, sinh năm 1980 và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012.
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/03/2018 đến nay. Có mặt.
Người có nghĩa vụ liên quan:
Anh: Quàng Văn B, sinh năm 1985; địa chỉ: Bản C1, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.
Người làm chứng: Anh: Đinh Duy P, sinh năm 1983; địa chỉ: Bản Đ1, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
Người bào chữa cho bị cáo Cứ Thị L:
Bà: Trần Thị Sáu là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Điện Biên; số thẻ: 08 do UBND tỉnh Điện Biên cấp ngày 14/6/2011. Có mặt.
Người phiên dịch cho bị cáo Cứ Thị L:
Ông: Chá A Sía, sinh năm 1993; địa chỉ: Bản Huổi Un, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 28/02/2018, Cứ Thị L trên đường đi làm ruộng về đến khu vực đường đi thuộc bản L2, xã M, huyện Đ thì gặp, thỏa thuận và mua được của một người đàn ông dân tộc Thái (Không biết tên, tuổi, địa chỉ) 01 gói ma túy được gói bên ngoài bằng nilon màu xanh với giá 500.000 đồng. Sau đó, L mang gói ma túy mua được về nhà ở bản L, xã M mở ra xem thấy có 01 gói được gói bằng nilon màu trắng, mở bên trong có chứa Heroine và 01 gói được gói bằng nilon màu xanh, mở bên trong có chứa 19 viên Methamphetamine, L gói lại và cất giấu tại giường ngủ của mình, mục đích để sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời. Đến khoảng 12 giờ ngày 01/3/2018, khi L đang ở nhà thì Lò Văn T, Quàng Văn B và Đinh Duy P đến nhà L hỏi mua ma túy, khi vào trong nhà L, cả ba người T, B và P cùng vào; B hỏi L: "Có hồng phiến bán không?", L trả lời: "Có, lấy bao nhiêu?". T đưa cho L 200.000 đồng và bảo: "Bán cho hai viên hồng phiến", L cầm tiền T đưa và bảo T: "Một viên bán với giá 60.000 đồng" rồi đi vào

giường ngủ lấy ra hai viên Methamphetamine cùng số tiền 80.000 đồng ra đưa cho T, T nhận 80.000 đồng cất trong túi quần bên phải đang mặc, còn hai viên Methamphetamine thì cầm ở tay phải. Sau đó thì Quàng Văn B đưa 50.000 đồng cho L và nói: "Bán cho một viên hồng phiến", L nhận 50.000 đồng B đưa cầm ở tay phải đang định lấy một viên Methamphetamine ra bán cho B thì tổ công tác Đoàn Công an Nà Tấu, huyện Điện Biên đang làm nhiệm vụ tại khu vực đó kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ của T 02 viên dạng viên nén màu hồng (Nghị là Methamphetamine) và số tiền 80.000 đồng; thu giữ của L 01 túi nilon màu xanh, bên trong có hai gói, trong đó 01 được gói bên ngoài bằng nilon màu trắng, mở bên trong có các cục bột màu trắng (Nghị là Heroine); 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu xanh, mở bên trong có 17 viên dạng viên nén màu hồng (Nghị là Methamphetamine) và số tiền 250.000 đồng L đang cầm trong tay phải. Tổ công tác đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong toàn bộ vật chứng.

Ngày 02/3/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên đã tiến hành mở niêm phong, xác định khối lượng đối với số vật chứng thu giữ của bị cáo Cự Thị L và bị cáo Lò Văn T, cụ thể như sau:

- Số chất bột màu trắng nghị là Heroine thu giữ của Cự Thị L có khối lượng là 2,21 gam, trích 0,16 gam gửi làm mẫu giám định;
- 17 viên nén màu hồng nghị là ma túy tổng hợp thu giữ của Cự Thị L có khối lượng là 1,5 gam, trích 0,17 gam gửi làm mẫu giám định;
- 02 viên nén màu hồng nghị là ma túy tổng hợp thu giữ của Lò Văn T có khối lượng là 0,18 gam, gửi toàn bộ làm mẫu giám định.

Tại bản kết Luận giám định số 321/GĐ-PC54 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết Luận:

- Mẫu chất bột màu trắng được trích ra từ vật chứng thu giữ của Cự Thị L gửi giám định là Heroine;
- 02 mẫu viên nén màu hồng được trích ra từ vật chứng thu giữ của Cự Thị L gửi giám định là Methamphetamine.

Tại bản kết Luận giám định số 322/GĐ-PC54 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết Luận:

- 02 mẫu viên nén màu hồng vật chứng thu giữ của Lò Văn T gửi giám định là Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số 127/CT-VKSĐB ngày 22/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Cự Thị L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ Luật Hình sự; truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên toà, trong lời Luận tội đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Cự Thị L về tội "Mua bán trái phép chất ma

túy" và bị cáo Lò Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Xử phạt bị cáo Cừ Thị L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

Vật chứng: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 2,21 gam Heroine, đã trích 0,16 gam gửi làm mẫu giám định không hoàn lại và 1,68 gam Methamphetamine, đã trích 0,35 gam gửi làm mẫu giám định không hoàn lại; tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 170.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam; trả lại Lò Văn T số tiền 80.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trả lại Cừ Thị L 80.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ Luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Miễn toàn bộ tiền án phí HSST đối với các bị cáo Cừ Thị L và Lò Văn T.

Người bào chữa cho bị cáo Cừ Thị L nhất trí với nội dung cáo trạng truy tố, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và lời Lận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 249 Bộ Luật Hình sự là kịp thời, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, do bị cáo không được đi học, sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp Luật còn hạn chế, nhất là nhận thức về ma túy, sống một mình nuôi hai con còn nhỏ; thật thà khai báo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cừ Thị L mức án thấp nhất trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Miễn án phí đối với bị cáo Cừ Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát tranh Luận với người bào chữa: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thể hiện bị cáo Cừ Thị L là người có nhận thức pháp Luật về ma túy và hậu quả pháp lý của ma túy, bị cáo có thu nhập ổn định từ nghề nghiệp làm lúa nước, ngoài ra còn có thu nhập từ công việc khác từ nông nghiệp, bị cáo tuy có nhân thân tốt nhưng không đủ điều kiện để được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS, vì vậy không được hưởng tình tiết khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Cừ Thị L và bị cáo Lò Văn T nhất trí nội dung Cáo trạng; lời Luận tội của đại diện Viện kiểm sát; bị cáo L nhất trí lời bào chữa của người bào chữa; bị cáo L, bị cáo T không tranh Luận, không có ý kiến bổ sung lời bào chữa cho hành vi phạm tội của mình; lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng ; người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Cù Thị L và bị cáo Lò Văn T khai và thừa nhận: Ngày 01/03/2018, tại nhà ở của bị cáo Cù Thị L thuộc bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện B. Bị cáo L đã bán trái phép 0,18 gam Methamphetamine cho bị cáo T, thu được 120.000 đồng và 01 viên Methamphetamine cho Quảng Văn B, thu được 50.000 đồng nhưng chưa kịp lấy Methamphetamine đưa cho B thì bị bắt quả tang; đồng thời bị cáo L còn cất giấu trái phép trên người 2,21 gam Heroine và 1,5 gam Methamphetamine, với mục đích để sử dụng và bán lại cho người khác. Lời khai của bị cáo L phù hợp với lời khai của bị cáo T, lời khai của Quảng Văn B, phù hợp với các bản cung của các bị cáo tại cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản niêm phong, mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng; kết Luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Hành vi bán trái phép chất ma túy của bị cáo Cù Thị L cho bị cáo Lò Văn T và Quảng Văn B đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ Luật hình sự; ngoài ra, bị cáo L còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng các chất ma túy đã thu giữ của T và L là 2,21 gam Heroine và 1,68 gam Methamphetamine (Trong đó có 0,18 gam Methamphetamine thu giữ của Lò Văn T do Cù Thị L bán cho T). Cù Thị L đã mua bán hai chất ma túy khác nhau là Heroine và Methamphetamine, theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 19/NĐ-CP/2018, ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ Luật Hình sự thì tổng khối lượng hai chất ma túy là 3,89 gam.

Bị cáo Cù Thị L và bị cáo Lò Văn T là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

[3]. Xét tính chất mức độ và hậu quả của tội phạm: Khối lượng ma túy thu giữ của bị cáo Cù Thị L và bị cáo Lò Văn T là 3,89 gam Heroine và Methamphetamine, mục đích bị cáo L cất giấu nhằm để sử dụng và bán ở trong khoảng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam. Khối lượng ma túy cấu thành tại khoản 1 của Điều 251 bộ Luật hình sự, tuy nhiên bị cáo đã bán ma túy cho hai người là tình tiết định khung tại điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ Luật hình sự. Tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng do vậy bị cáo Cù Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ Luật hình sự có khung hình phạt từ 07 đến 15

năm tù và còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng các chất ma túy đã thu giữ là 3,89 gam; Bị cáo Lò Văn T mua và cất giấu trái phép 0,18 gam Methamphetamine, mục đích để sử dụng đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật hình sự có khung hình phạt từ 01 đến 05 năm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm gia tăng người nghiện ma túy trong xã hội và tiếp tay cho các loại tội phạm, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần được phát hiện kịp thời và áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trên địa bàn.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo Cừ Thị L và bị cáo Lò Văn T là người nghiện, sử dụng ma túy; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự; người bào chữa cho bị cáo Cừ Thị L nhất trí nội dung Quyết định đưa vụ án ra xét xử, cáo trạng, lời Luận tội của VKS; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ Luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cừ Thị L mức án thấp nhất. HĐXX thấy rằng, bản thân bị cáo L có nhận thức pháp Luật về ma túy và hậu quả pháp lý khi phạm tội về ma túy mà vẫn cố tình phạm tội, vì vậy không chấp nhận cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung; vật chứng; án phí và các vấn đề khác trong vụ án:

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Cừ Thị L và bị cáo Lò Văn T là người nghiện, sử dụng ma túy; các bị cáo ngoài thu nhập chủ yếu từ làm ruộng ra không còn thu nhập ổn định khác, không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều Luật tương ứng, vì vậy không áp dụng.

Vật chứng: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 2,21 gam Heroine đã trích 0,16 gam gửi giám định không hoàn lại; 1,5 gam Methamphetamine đã trích 0,17 gam gửi giám định không hoàn lại và 0,18 gam Methamphetamine đã gửi toàn bộ giám định, không hoàn lại mẫu vật sau giám định, là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 170.000 đồng thu giữ của L, tiền do phạm tội mà có; trả lại cho Cừ Thị L 80.000 đồng và trả lại cho Lò Văn T 80.000 đồng vì không phải là vật chứng trong vụ án.

Án phí: Các bị cáo Cừ Thị L và bị cáo Lò Văn T là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Lò Văn T

thuộc đối tượng hộ nghèo; tại phiên tòa, các bị cáo có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 136 Bộ Luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Cù Thị L và bị cáo Lò Văn T.

Quàng Văn B đã thỏa thuận mua 01 viên Methamphetamine với giá 50.000 đồng trong số 17 viên Methamvitamine của Cù Thị L đã bị thu giữ nhưng chưa được nhận Methamphetamine, mặt khác khối lượng mỗi viên trong 17 viên Methamphetamine nhỏ hơn 0,1 gam. Vì vậy hành vi của B không cấu thành tội phạm, HĐXX không đề cập giải quyết.

Đình Duy P tuy có được nhìn thấy quá trình trao đổi, mua bán ma túy của Cù Thị L cho Lò Văn T và Quàng Văn B nhưng P không góp tiền mua ma túy, không bàn bạc với T, B về việc mua ma túy. Hành vi của P không cấu thành tội phạm nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Người đàn ông dân tộc Thái đã bán ma túy cho bị cáo Cù Thị L, do không biết tên và địa chỉ nên không đủ cơ sở xem xét, giải quyết.

[6]. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp Luật.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự: Tuyên bố: Bị cáo Cù Thị L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Cù Thị L 07 năm 06 tháng (Bảy năm sáu tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/3/2018.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự: Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 12 tháng (Mười hai tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/3/2018.

3. Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 2,21 gam Heroine đã trích 0,16 gam gửi giám định không hoàn lại; 1,5 gam Methamphetamine đã trích 0,17 gam gửi giám định không hoàn lại và 0,18 gam Methamphetamine đã gửi toàn bộ giám định, không hoàn lại mẫu vật sau giám định; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 170.000 đồng thu giữ của L; trả lại cho Cù Thị L 80.000 đồng và trả lại cho Lò Văn T 80.000 đồng.

4. Căn cứ Điều 136 Bộ Luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí HSST đối với bị cáo Cù Thị L và bị cáo Lò Văn T.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Công an huyện Điện Biên;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- THA hình Sự; lưu bộ phận.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA

Nguyễn Văn Định